

Bản án số: 250/2023/DS-PT
Ngày: 27/10/2023
V/v “Tranh chấp dân sự về
quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu.

Các Thẩm phán:

+ Bà Ngô Ngọc Phi;

+ Ông Khưu Để Dành.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**
Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 132/2022/QĐXXPT-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Ông Dương Thành L, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ A, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Dương Thành L: Ông Lôi Văn Đ, Văn phòng L2, là luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh A.

Địa chỉ văn phòng: Số C, C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

2. **Bị đơn:** Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1937; nơi cư trú: Số H, tổ B, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

3. **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Lâm Thị Thùy V, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang;

3.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966;

3.3. Ông Nguyễn Phú Đ1, sinh năm 1968;

Cùng cư trú: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang;

3.4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968;

3.5. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970;

Cùng cư trú: Số H, T, khóm V, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của bà L1, bà V, bà H, ông T, ông Đ1: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số H đường T, khóm V, phường V, thành phố C (theo văn bản ủy quyền ngày 15/10/2021).

3.6. Ông Dương Văn M, sinh năm 1954; nơi cư trú: Tổ A khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Ông Dương Văn Đ2, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ A khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 29/8/2022).

3.7. Ông Vũ Đ3, sinh năm 1982;

3.8. Bà Nguyễn Thị Huyền T1, sinh năm 1986;

Cùng cư trú: Tổ B, khóm H, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

4. *Người kháng cáo:* Ông Dương Thành L là nguyên đơn và ông Dương Văn M là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt: Ông Dương Thành L, Luật sư Lôi Văn Đ, ông Dương Văn M, ông Dương Văn Đ2, bà Nguyễn Thị N, ông Vũ Đ3 và bà Nguyễn Thị Huyền T1; vắng mặt các đương sự còn lại.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

- *Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

Năm 1960, Dương Văn B (cha ông L) khai thác, sử dụng đất cặp kênh V (nay thuộc khóm V, P. N) để cất nhà ở và trồng một số cây lâu năm như cây tre, gáo vàng, cà na,... diện tích chiều ngang 28,50 m, chiều dài 26,30 m. Đến năm 2003, đoàn đo đạc đo tổng thể cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, bà L1 đứng ra tranh chấp từ bờ đê ra mé kênh V khoảng 3 m x 28,50 m, gia đình ông L không thống nhất do đất tranh chấp, các bên không ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, đến nay bà L1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sang nhượng cho người khác. Nay ông L yêu cầu bà L1 phải trả lại phần diện tích đất của gia đình ông L mà bà L1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngang 28,50 m x 26,30 m, đồng thời phải tạo điều kiện cho ông L làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đ3, bà Nguyễn Thị Huyền T1 có yêu cầu độc lập trình bày:*

Vào đầu năm 2021 ông Đ3, bà T1 có nhận chuyển nhượng của bà L1, địa chỉ khóm V, phường N, thành phố C phần diện tích đất 2.122,3 m² (trong đó đất ở diện tích 591.8 m², đất trồng cây lâu năm diện tích 1.530,5 m²) đồng thời đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS10074 vào ngày 10/6/2021. Sau khi nhận chuyển nhượng từ bà L1, quá trình san lấp làm hàng rào ranh giới trên phần đất thuộc quyền sử dụng được cấp thì ông L, ông M tiếp tục đứng ra cản trở việc san lấp, mặc dù những người này không có đất liền ranh nhưng lại cản trở gây khó khăn.

Nay ông Đ3, bà T1 yêu cầu Tòa án buộc ông L, ông M chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất. Ngoài ra, giữa những người này và chủ hộ trước nếu có tranh chấp đó là quan hệ pháp luật khác, ông Đ3, bà T1 không liên quan.

- *Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn M có yêu cầu phản tố đối với ông Vũ Đ3, bà Nguyễn Thị Huyền T1 nội dung:*

Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS10074, thửa đất số 6, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.122,3 m² đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 10/6/2021 cho ông Vũ Đ3, bà Nguyễn Thị Huyền T1, tọa lạc khóm V, P. N, thành phố C, tỉnh An Giang.

- *Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phạm Thị L1 (bà Nguyễn Thị N đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Nguồn gốc phần đất tranh chấp từ ông Nguyễn Văn G khai phá phần đất nông nghiệp diện tích hơn 4.000 m², ông G chết để lại cho con là ông N1, ông N1 tặng cho lại con là vợ chồng ông T2 và bà L1. Năm 1968, ông T2 chết, bà L1 cùng các con quản lý phần đất trên (việc tặng cho thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản). Quá trình sử dụng thì sau khi được ông N1 tặng cho, bà L1 cùng các con canh tác trồng lúa nước. Đến năm 1998 Nhà nước giải tỏa làm lộ. Năm 2005, khi đoàn đo đạc đến đo tổng thể để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân thì bà L1 thống nhất phân chia đất thành 05 phần và được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc xét cấp giấy như trên. Việc cấp giấy đúng trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ trước đến nay phần đất do bà L1 quản lý, có kê khai về đất trước và sau khi cấp giấy, đồng thời đều có lai đóng thuế hàng năm. Trước năm 2000, ông Dương Văn B có hỏi xin cha chồng của bà L1 là ông Nguyễn Văn N2 về việc ở nhờ trên đất (nay thuộc phần đất mà bà L1 được cấp giấy) các con của ông B là ông L, ông M cũng sinh sống cùng ông B. Ông B cùng các con (L, M) cất nhà và sinh sống từ trước năm 2000, nhà mà ông B cất trên đất là nhà hai mái, diện tích khoảng 100 m², loại cây gỗ thường. Khi đoàn đo đạc đến đo tổng thể để cấp giấy cho cá nhân năm 2005 thì ông B trả phần đất lại cho gia đình bà L1, di dời nhà lên quốc lộ I, phường N để sinh sống, không còn sống trên phần đất tranh chấp. Việc di dời nhà là do ông B tự nguyện di dời trả lại đất cho bà

L1. Quá trình ông B sống ở nhờ trên phần đất của bà L1 thì gia đình bà L1 có nhờ trồng một số cây như tre, gáo, cà na,... nhằm mục đích tự thu hoạch tạo thu nhập nuôi sống gia đình của ông B. Đến nay bà L1 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Vũ Đ3, các cây trên vẫn còn nhưng không phải tất cả mà có một số cây gia đình bà L1 trồng.

Việc ông L, ông M cho rằng nguồn gốc phần đất tranh chấp trong đó diện tích đất ngang 28,50m x 26,30m nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L1 đã chuyển nhượng cho vợ chồng Đ3, T1 là của ông Dương Văn B (cha ông L) là không có căn cứ, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện này.

- Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của các người làm chứng (do nguyên đơn cung cấp) trình bày:

+ *Lời khai của bà Phạm Thị Ú:* Bà sinh sống tại địa phương từ lâu, nhà ông B trước kia được xây cất bờ kênh V (không nhớ rõ thời gian) bằng vật liệu cây gỗ tạp, tạm bợ. Do nước ngập lụt nên được Nhà nước hỗ trợ di dời lên quốc lộ I thuộc khóm V để sống ổn định đến nay.

+ *Lời khai của bà Lâm Thị T3:* Bà là con dâu của ông B, bà sinh sống tại địa phương từ năm 1980. Ông B cất nhà trên đất có giấy tờ hay không, có tranh chấp với bà L1 hay không thì không biết. Bà chỉ biết giữa ông L và bà L1 có tranh chấp khi bà L1 làm thủ tục chuyển nhượng cho ông Vũ Đ3. Ngoài ra, vào khoảng năm 1993 - 2004, nước lên ngập lụt. Nhà nước có chủ trương di dời nhà cửa các hộ dân cấp kênh V, khi đó ông B cũng được Nhà nước hỗ trợ di dời lên Quốc lộ I sinh sống ổn định đến nay.

+ *Lời khai của ông Đỗ Văn T4:* Ông T4 sinh sống tại địa phương từ khi sinh ra thì đã thấy nhà ông B cấp kênh Vĩnh Tế bằng vật liệu gỗ tạp, tạm bợ, đến khoảng năm 2003 - 2004 thì di dời lên Quốc lộ I do nước lên ngập lụt. Ngoài ra ông cho biết nhà ông B ở trên đất trước đây không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ *Lời khai của ông Lâm Văn H1:* Ông H1 là con rể ông B, sinh sống tại địa phương từ năm 1992, thời điểm này nhà ông B đã tồn tại bằng vật liệu gỗ tạp, tạm bợ, không có giấy tờ về đất. Sau đó do nước ngập lụt nên di dời nhà lên Quốc lộ I. Ngoài ra, ông cho biết từ năm 1992 trở về sau thì ông không thấy việc tranh chấp về đất giữa ông B với bà L1. Phần đất mà ông B cất nhà không xác định được thuộc quyền sử dụng của bà L1 hay ông B.

+ *Lời khai của ông Nguyễn Văn T5:* Ông Thanh sinh ra và lớn lên tại địa phương từ năm 1949, đến năm 1996 thì về sống tại khóm V, phường N. Ông cho biết không biết việc tranh chấp về đất giữa ông B và bà L1. Nhà ông B cất cấp kênh V bằng vật liệu cây gỗ tạm bợ, cất vào thời gian nào thì ông không nhớ, sau đó đã di dời lên Quốc lộ 955A. Phần đất ông B cất nhà không có giấy tờ về đất.

+ *Lời khai của bà Dương Thị P:* Bà P là cháu nội của ông B, sinh ra và lớn lên tại địa phương từ năm 1969. Từ khi sinh ra thì nhà ông B đã được cất cấp kênh V, vật liệu gỗ vách tole, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất. Sau đó đã di dời lên Quốc lộ I do nước ngập. Việc tranh chấp giữa ông B, ông L với bà L1 thì bà không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tuyên xử:

Căn cứ các Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 163, 164, 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 12, 166, 170 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thành L về việc yêu cầu bà L1 phải trả lại phần diện tích đất 28,50 m x 26,30m nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị L1, đã chuyển nhượng cho ông Vũ Đ3, bà Nguyễn Thị Huyền T1.

[2] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Dương Thành L về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS10074, thửa đất số 6, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.122.3 m² đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 10/6/2021 mang tên Vũ Đ3, Nguyễn Thị Huyền T1, tọa lạc khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

[3] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Dương Văn M về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS10074, thửa đất số 6, tờ bản đồ số 7, diện tích 2122.3 m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 10/6/2021 cho ông Vũ Đ3, bà Nguyễn Thị Huyền T1.

[4] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Vũ Đ3, bà Nguyễn Thị Huyền T1 về việc yêu cầu ông L, ông M chấm dứt toàn bộ hành vi cản trở quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS10074, cấp ngày 10/6/2021 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp cho ông Vũ Đ3, bà Nguyễn Thị Huyền T1.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Theo đơn kháng cáo của Ông Dương Thành L là nguyên đơn và ông Dương Văn M là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Bị đơn trình bày: Thống nhất với bản án sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đ3 thống nhất bản án sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn M trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Người bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Thành L phát biểu ý kiến cho rằng cấp sơ thẩm có thiếu sót trong việc giải quyết vụ án như: Thiếu người tham gia tố tụng và chưa xem xét giải quyết tài sản có trên đất nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xem xét giải quyết lại vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Thành L và ông Dương Văn M, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Dương Thành L và ông Dương Văn M trong hạn luật định có nội dung ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự còn lại không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Dương Thành L và ông Dương Văn M và chứng cứ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Nguồn gốc đất tranh chấp theo ông L và ông M trình bày là do cha là ông Dương Văn B khai phá từ năm 1960 có diện tích 28,50m x 26,30m, ông B có cất nhà và trồng cây trên đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L, ông M xác định đất tranh chấp là của chung cha mẹ để lại, cha tên Dương Văn B, mẹ tên Trần Thị H2, cha mẹ chung sống có 05 người con gồm: Dương Thành L, Dương Văn M, Dương Văn T6 (chết), Dương Thị T7 và Dương Văn B1 (chết) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa đầy đủ các con ông B, bà H2 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót.

[2.2]. Quan hệ tranh chấp được Tòa án cấp sơ thẩm xác định là “ Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”,

diện tích đất tranh chấp chiều ngang khoảng 28,50m, chiều dài khoảng 26,30m, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị L1, sau đó bà L1 chuyển nhượng cho ông Vũ Đ3, bà Nguyễn Thị Huyền T1. Ông Vũ Đ3 và bà Nguyễn Thị Huyền T1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS10074, thửa đất số 6, tờ bản đồ số 7, diện tích 2122.3 m² ngày 10/6/2021, nhưng quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không tiến hành đo đạc diện tích đất tranh chấp, Theo bản án sơ thẩm nhận định lý do không đo đạc đất tranh chấp là nguyên đơn ông L không yêu cầu đo đạc. Xét thấy giải quyết tranh chấp QSDĐ phải xác định được vị trí, mốc giới đất tranh chấp, từ đó xác định diện tích đất tranh chấp nhiều hơn hay ít hơn diện tích đất theo đơn khởi kiện, trên cơ sở đó công nhận diện tích đất cho người được sử dụng đất hoặc buộc giao trả lại diện tích đất. Do đó việc không tiến hành thủ tục đo đạc diện tích đất tranh chấp là thiếu sót.

[2.3]. Về cây trồng trên đất như tre, gáo vàng, cà na nguyên đơn và bị đơn xác định cây trồng có trước khi bà L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay cây trồng vẫn còn (nguyên đơn cho rằng do phía nguyên đơn trồng; Bị đơn cho rằng không phải tất cả do nguyên đơn trồng). Tòa án cấp sơ thẩm cần phải xem xét thẩm định tại chỗ, thu thập chứng cứ xác định trên đất có bao nhiêu cây, cây gì, do ai trồng... và định giá cây trồng trên đất để buộc các bên đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc không thể hiện trên đất tranh chấp có bao nhiêu cây, loại cây gì và không tiến hành định giá cây trồng trên đất tranh chấp để giải quyết vụ án là thiếu sót.

[3]. Qua xem xét các chứng cứ và tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, nhà, vật kiến trúc, cây trồng trên đất tranh chấp của ông Dương Thành L, Dương Văn M. Tại phiên tòa phía ông Dương Văn M cho rằng ngoài diện tích ông L tranh chấp thì diện tích đất ông cũng đang sử dụng phần đất ngang khoảng 28m dài khoảng 17m cũng nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS10074, thửa đất số 6, tờ bản đồ số 7, diện tích 2122.3 m² Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho ông Vũ Đ3, bà Nguyễn Thị Huyền T1, cấp ngày 10/6/2021 và trên đất ông có trồng nhiều cây lâu năm, có cất 01 căn chòi nhỏ hiện nay Dương Văn Đ2 (con ông M) đang ở nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ.

[4]. Tại phiên tòa ông Vũ Đ3 xác định ông chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị L1 là ngay tình, đúng pháp luật, vì đất của bà L1 đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, không có ai tranh chấp và ông đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Đối với cây trồng, vật kiến trúc trên đất thì bà L1 với ông Dương Thành L, ông Dương Văn M tự giải quyết với nhau.

[5]. Tại phiên tòa phía bà L1 cho rằng ông Dương Văn B là người ở nhờ trên đất và ông B đã đồng ý di dời nhà, vật kiến trúc, cây trên đất để trả lại đất cho bà. Bà L1 đã thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

không ai khiếu nại hay tranh chấp. Nhưng cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ để bảo vệ quyền, lợi ích cho các đương sự.

[6]. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự, chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án nên cần hủy bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[8]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Văn M, ông Dương Thành L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Dương Thành L số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng số 0002089 ngày 18/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Văn M, ông Dương Thành L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Dương Thành L số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng số 0002089 ngày 18/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND thành phố Châu Đốc;
- VKSND thành phố Châu Đốc;
- Chi cục THADS TP Châu Đốc;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

Lưu Hữu Giàu